Lev

Chapter 4

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

לֵאמֹר׃	מֹשֶׁה	אֶל־	יְהוָה	וַיְדַבֵּר	1
cho–nói	Môi-se	đến	Đức–Giê-hô-va	và–phán	
H0559	H4872	H0413	H3068	H1696	

Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng:

בִּשְׁגָגָה	תֶּחֱטָא	כִּי־	נֶפֶשׁ	לֵאמֹר׃	יִשְׂרָאֵל	בְּנֵי	אֶל־	דַּבֵּר	2
trong–tội–lầm–lỡ	phạm–tội	vì	linh–hồn	cho–nói	Y-sơ-ra-ên	các–con–trai	đến	phán	
H7684	H2398		H5315	H0559	H3478		H0413	H1696	

מֵהֵנָּה׃	מֵאַחַת	וְעָשָׂה	תֵּעָשֶׂינָה	לֹא	אֲשֶׁר	יְהוָה	מִצְוֹת	מִכֹּל
từ–họ	từ–một	và–làm	làm	không	mà	Đức–Giê-hô-va	điều–răn	mọi
H2007	H0259			H3808		H3068	H4687	H3605

Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Khi nào ai lầm lỡ mà phạm một trong các điều răn của Đức Giê-hô-va, và làm điều chẳng nên làm;

אֲשֶׁר	חַטָּאתוֹ	עַל	וְהִקְרִיב	הָעָם	לְאַשְׁמַת	חָטָא	הַמָּשִׁיחַ	הַכֹּהֵן	אִם	3
mà	tội–nó	trên	và–dâng	dân	cho–lỗi	phạm–tội	הַמָּשִׁיחַ	thầy–tế–lễ	nếu	
			H7126		H0819	H2398	H4899	H3548		

לְחַטָּאת׃	לַיהוָה	תָּמִים	בָּקָר	בֶּן־	פָּר	חָטָא
cho–tội	cho–Đức–Giê-hô-va	không–tì–vết	bò	con	bò–đực–tơ	phạm–tội
	H3068	H8549	H1241		H6499	H2398

nếu là thầy tế lễ chịu xức dầu rồi mà phạm tội, và vì cớ đó gây cho dân sự phải mắc tội, thì vì tội mình đã phạm, người phải dâng cho Đức Giê-hô-va một con bò tơ không tì vít chi, đặng làm của lễ chuộc tội.

וְסָמַךְ	יְהוָה	לִפְנֵי	מוֹעֵד	אֹהֶל	פֶּתַח	אֶל־	הַפָּר	אֶת־	וְהֵבִיא	4
và–đặt	Đức–Giê-hô-va	trước–mặt	hội–họp	lều	cửa	đến	bò–đực–tơ	—	và–đến	
H5564	H3068	H6440	H4150	H0168	H6607	H0413	H6499	H0853	H0935	

יְהוָה׃	לִפְנֵי	הַפָּר	אֶת־	וְשָׁחַט	הַפָּר	רֹאשׁ	עַל־	יָדוֹ	אֶת־
Đức–Giê-hô-va	trước–mặt	bò–đực–tơ	—	và–giết	bò–đực–tơ	đầu	trên	tay–nó	—
H3068	H6440	H6499	H0853		H6499			H3027	H0853

Người sẽ dẫn bò tơ đó đến cửa hội mạc trước mặt Đức Giê-hô-va, nhận tay mình trên đầu nó, rồi giết nó trước mặt Đức Giê-hô-va.

מוֹעֵד׃	אֹהֶל	אֶל־	אֹתוֹ	וְהֵבִיא	הַפָּר	מִדַּם	הַמָּשִׁיחַ	הַכֹּהֵן	וְלָקַח	5
hội–họp	lều	đến	nó	và–đến	bò–đực–tơ	từ–huyết	הַמָּשִׁיחַ	thầy–tế–lễ	và–lấy	
H4150	H0168	H0413	H0853	H0935	H6499	H1818	H4899	H3548	H3947	

Thầy tế lễ chịu xức dầu rồi sẽ lấy huyết bò tơ đem vào trong hội mạc,

פְּעָמִים	שֶׁבַע	הַדָּם	מִן־	וְהִזָּה	בַּדָּם	אֶצְבָּעוֹ	אֶת־	הַכֹּהֵן	וְטָבַל	6
lần	bảy	huyết	từ	và–rảy	trong–huyết	ngón–tay–nó	—	thầy–tế–lễ	và–nhúng	
H6471	H7651	H1818			H1818	H0676	H0853	H3548	H2881	

הַקֹּדֶשׁ׃	פָּרֹכֶת	פְּנֵי	אֶת־	יְהוָה	לִפְנֵי
nơi–thánh	bức–màn	trước–mặt	với	Đức–Giê-hô-va	trước–mặt
H6944	H6532	H6440	H0854	H3068	H6440

nhúng ngón tay mình trong huyết, rảy bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va, đối ngang bức màn nơi đền thánh.

לִפְנֵי	הַסַּמִּים	קְטֹרֶת	מִזְבַּח	קַרְנוֹת	עַל־	הַדָּם	מִן־	הַכֹּהֵן	וְנָתַן		7
trước–mặt	הַסַּמִּים	hương	bàn–thờ	sừng	trên	huyết	từ	thầy–tế–lễ	và–đặt		
H6440	H5561	H7004	H4196			H1818		H3548	H5414		

אֶל־	יִשְׁפֹּךְ	הַפָּר	דַּם	כָּל־	וְאֵת	מוֹעֵד	בְּאֹהֶל	אֲשֶׁר	יְהוָה		
đến	đổ–ra	bò–đực–tơ	huyết	mọi	và	hội–họp	trong–lều	mà	Đức–Giê-hô-va		
H0413	H8210	H6499	H1818	H3605	H0853	H4150	H0168		H3068		

מוֹעֵד׃	אֹהֶל	פֶּתַח	אֲשֶׁר־	הָעֹלָה	מִזְבַּח	יְסוֹד	
hội–họp	lều	cửa	mà	của–lễ–thiêu	bàn–thờ	nền–móng	
H4150	H0168	H6607			H4196	H3247	

Đoạn, thầy tế lễ sẽ bôi huyết trên các sừng của bàn thờ xông hương ở trong hội mạc, trước mặt Đức Giê-hô-va, và đổ hết thảy huyết bò tơ nơi chân bàn thờ về của lễ thiêu, để trước cửa hội mạc.

עַל־	הַמְכַסֶּה	הַחֵלֶב	אֶת־	מִמֶּנּוּ	יָרִים	הַחַטָּאת	פָּר	חֵלֶב	כָּל־	וְאֶת־	8
trên	che–phủ	mỡ	—	từ–nó	dâng–lên	tội	bò–đực–tơ	mỡ	mọi	và	
	H3680	H2459	H0853				H6499	H2459	H3605	H0853	

הַקֶּרֶב׃	עַל־	אֲשֶׁר	הַחֵלֶב	כָּל־	וְאֶת	הַקֶּרֶב	
lòng–ruột	trên	mà	mỡ	mọi	và	lòng–ruột	
H7130			H2459	H3605	H0853	H7130	

Người phải gỡ những mỡ của con bò dùng làm của lễ chuộc tội, tức là mỡ chài và mỡ bộ lòng,

וְאֶת־	הַכְּלָיֹת	עַל־	אֲשֶׁר	עֲלֵיהֶן	אֲשֶׁר	הַחֵלֶב	וְאֶת־	הַכְּלָיֹת	שְׁתֵּי	וְאֵת	9
và	הַכְּלָיֹת	trên	mà	trên	mà	mỡ	và	trái–cật	hai	và	
H0853	H3689					H2459	H0853	H3629	H8147	H0853	

יְסִירֶנָּה׃	הַכְּלָיוֹת	עַל־	הַכָּבֵד	עַל־	הַיֹּתֶרֶת		
lấy–đi	trái–cật	trên	gan	trên	tấm–mỡ–che		
H5493	H3629		H3516		H3508		

hai trái cật, mỡ trên hai trái cật nơi cạnh hông, tấm da mỏng bọc gan, gỡ gần nơi hai trái cật,

עַל	הַכֹּהֵן	וְהִקְטִירָם	הַשְּׁלָמִים	זֶבַח	מִשּׁוֹר	יוּרַם	כַּאֲשֶׁר	10
trên	thầy–tế–lễ	và–đốt–xông–họ	của–lễ–thù–ân	sinh–tế	từ–bò–đực	dâng–lên	như–như	
	H3548		H8002	H2077	H7794			

הָעֹלָה׃	מִזְבָּח		
của–lễ–thiêu	bàn–thờ		
	H4196		

như gỡ các phần nầy của bò tơ dùng làm của lễ thù ân; rồi thầy tế lễ sẽ xông các món đó trên bàn thờ về của lễ thiêu.

כִּרְעָיו	וְעַל־	רֹאשׁוֹ	עַל־	בִּשָּׂרוֹ	כָּל־	וְאֶת־	הַפָּר	עוֹר	וְאֶת־	11
chân–nó	và–trên	đầu–nó	trên	thịt–nó	mọi	và	bò–đực–tơ	da	và	
H3767				H1320	H3605	H0853	H6499	H5785	H0853	

וּפִרְשׁוֹ׃ וּפִרְשׁוֹ׃	וְקִרְבּוֹ		
	và–lòng–ruột–nó		
H6569	H7130		

Còn da, hết thảy thịt, đầu, giò, bộ lòng và phẩn,

אֶל־	טָהוֹר	מָקוֹם	אֶל־	לַמִּחֲנֶה	מִחוּץ	אֶל־	הַפָּר	כָּל־	אֶת־	וְהוֹצִיא	12
đến	sạch	nơi	đến	cho–trại	từ–bên–ngoài	đến	bò–đực–tơ	mọi	—	và–ra	
H0413	H2889	H4725	H0413	H4264	H2351	H0413	H6499	H3605	H0853	H3318	

פ	יִשְׂרֹף׃	הַדֶּשֶׁן	שָׁפֵךְ	עַל־	בָּאֵשׁ	עֵצִים	עַל־	אֹתוֹ	וְשָׂרַף	הַדֶּשֶׁן	שָׁפֵךְ
—	đốt	tro	שָׁפֵךְ	trên	trong–lửa	gỗ	trên	nó	và–đốt	tro	שָׁפֵךְ
	H8313	H1880	H8211		H0784	H6086		H0853	H8313	H1880	H8211

> tức con bò tơ nguyên, người phải đem ra khỏi trại quân đến một nơi tinh sạch, là chỗ họ đổ tro, rồi chất trên củi nơi lửa và thiêu nó đi: tức là thiêu nó tại chỗ đổ tro vậy.

13 וְאִם כָּל־ עֲדַת יִשְׂרָאֵל יִשְׁגּוּ וְנֶעְלַם דָּבָר מֵעֵינֵי הַקָּהָל וְעָשׂוּ
và-nếu mọi hội-chúng Y-sơ-ra-ên lỡ và-giấu lời từ-mắt hội-chúng và-làm
H3605 H5712 H3478 H7686 H5956 H1697 H4480 H6951

אַחַת מִכֹּל מִצְוֹת יְהוָה אֲשֶׁר לֹא תֵעָשֶׂינָה וְאָשֵׁמוּ׃
một mọi điều-răn Đức-Giê-hô-va mà không làm và-phạm-lỗi
H0259 H3605 H4687 H3068 H0834 H3808 H6213 H0816

> Nếu cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vì lầm lỡ phạm một trong các điều răn của Đức Giê-hô-va, và làm điều không nên làm, mà vốn không tự biết, và vì cớ đó phải mắc tội;

14 וְנוֹדְעָה הַחַטָּאת אֲשֶׁר חָטְאוּ עָלֶיהָ הַקָּהָל וְהִקְרִיבוּ פַּר בֶּן־ בָּקָר
và-biết tội mà phạm-tội trên-nó hội-chúng và-dâng bò-đực-tơ con bò
H3045 H2403 H834 H2398 H5921 H6951 H7126 H6499 H1121 H1241

לְחַטָּאת וְהֵבִיאוּ אֹתוֹ לִפְנֵי אֹהֶל מוֹעֵד׃
cho-tội và-đến nó trước-mặt lều hội-họp
H2403 H0935 H0853 H6440 H0168 H4150

> nếu tội phạm ấy vừa mới lộ ra, thì hội chúng phải dâng một con bò tơ đặng làm của lễ chuộc tội, dẫn nó đến trước hội mạc.

15 וְסָמְכוּ זִקְנֵי הָעֵדָה אֶת־ יְדֵיהֶם עַל־ רֹאשׁ הַפָּר לִפְנֵי יְהוָה
và-đặt trưởng-lão hội-chúng — tay-họ trên đầu bò-đực-tơ trước-mặt Đức-Giê-hô-va
H5564 H2205 H5712 H0853 H3027 H5921 H7218 H6499 H6440 H3068

וְשָׁחַט אֶת־ הַפָּר לִפְנֵי יְהוָה׃
và-giết — bò-đực-tơ trước-mặt Đức-Giê-hô-va
H7819 H0853 H6499 H6440 H3068

> Các hội trưởng phải nhận tay mình trên đầu bò tơ, rồi giết nó trước mặt Đức Giê-hô-va;

16 וְהֵבִיא הַכֹּהֵן הַמָּשִׁיחַ מִדָּם הַפָּר אֶל־ אֹהֶל מוֹעֵד׃
và-đến thầy-tế-lễ — từ-huyết bò-đực-tơ đến lều hội-họp
H0935 H3548 H4899 H4480 H1818 H6499 H0413 H0168 H4150

> thầy tế lễ chịu xức dầu rồi sẽ đem huyết con bò tơ vào hội mạc,

17 וְטָבַל הַכֹּהֵן מִן־ הַדָּם אֶצְבָּעוֹ שֶׁבַע פְּעָמִים לִפְנֵי
và-nhúng thầy-tế-lễ từ huyết và-rảy bảy lần trước-mặt
H2881 H3548 H4480 H1818 H0676 H7651 H6471 H6440

אֶת פְּנֵי הַפָּרֹכֶת׃ יְהוָה
với bức-màn trước-mặt Đức-Giê-hô-va
H0854 H6532 H6440 H3068

> nhúng ngón tay mình trong huyết, rảy bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va, đối ngang bức màn.

18 וּמִן־ הַדָּם יִתֵּן עַל־ קַרְנֹת הַמִּזְבֵּחַ אֲשֶׁר לִפְנֵי יְהוָה אֲשֶׁר
và-từ huyết đặt trên sừng bàn-thờ mà trước-mặt Đức-Giê-hô-va mà
H4480 H1818 H5414 H5921 H7161 H4196 H834 H6440 H3068 H834

בְּאֹהֶל מוֹעֵד וְאֶת כָּל־ הַדָּם יִשְׁפֹּךְ אֶל־ יְסוֹד מִזְבַּח הָעֹלָה אֲשֶׁר־
trong-lều hội-họp và mọi huyết đổ-ra đến nền-móng bàn-thờ của-lễ-thiêu mà
H0168 H4150 H0853 H3605 H1818 H8210 H0413 H3247 H4196 H5930 H834

פֶּתַח אֹהֶל מוֹעֵד׃
cửa lều hội-họp
H6607 H0168 H4150

Đoạn, người sẽ bôi huyết trên các sừng của bàn thờ trong hội mạc trước mặt Đức Giê-hô-va, rồi đổ huyết hết dưới chân bàn thờ về của lễ thiêu, để trước cửa hội mạc.

19

וְאֵת	כָּל־	חֶלְבּוֹ	יָרִים	מִמֶּנּוּ	וְהִקְטִיר	הַמִּזְבֵּחָה׃
và	mọi	mỡ–nó	dâng–lên	từ–nó	và–đốt–xông	bàn–thờ–nó
H0853	H3605	H2459				H4196

Người cũng gỡ hết thảy mỡ đem xông trên bàn thờ.

20

וְעָשָׂה	לַפָּר	כַּאֲשֶׁר	עָשָׂה	לְפַר	הַחַטָּאת	כֵּן	יַעֲשֶׂה־	לּוֹ
và–làm	cho–bò–đực–tơ	như–như	làm	cho–bò–đực–tơ	tội	vì–vậy	làm	cho–nó
	H6499			H6499				

וְכִפֶּר	עֲלֵהֶם	הַכֹּהֵן	וְנִסְלַח	לָהֶם׃
và–chuộc–tội	trên–chúng	thầy–tế–lễ	và–tha–thứ	cho–họ
		H3548	H5545	H1992

Cách dâng con bò tơ nầy cũng như cách dâng con bò dùng làm lễ chuộc tội: ấy vậy, thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho hội chúng và tội hội chúng sẽ được tha.

21

וְהוֹצִיא	אֶת־	הַפָּר	אֶל־	מִחוּץ	לַמַּחֲנֶה	וְשָׂרַף	אֹתוֹ	כַּאֲשֶׁר	שָׂרַף
và–ra	—	bò–đực–tơ	đến	từ–bên–ngoài	cho–trại	và–đốt	nó	như–như	đốt
H3318	H0853	H6499	H0413	H2351	H4264	H8313	H0853		H8313

אֵת	הַפָּר	הָרִאשׁוֹן	חַטַּאת	הַקָּהָל	הוּא׃	פ
—	bò–đực–tơ	thứ–nhất	tội	hội–chúng	ấy	—
H0853	H6499	H7223		H6951	H1931	

Đoạn, người phải đem con bò tơ đó ra ngoài trại quân, thiêu đi như đã thiêu con bò tơ trước: ấy là của lễ chuộc tội cho hội chúng.

22

אֲשֶׁר	נָשִׂיא	יֶחֱטָא	וְעָשָׂה	אַחַת	מִכָּל־	מִצְוֹת	יְהוָה
mà	quan–trưởng	phạm–tội	và–làm	một	mọi	điều–răn	Đức–Giê-hô-va
		H2398		H0259	H3605	H4687	H3068

אֱלֹהָיו	אֲשֶׁר	לֹא־	תֵעָשֶׂינָה	בִּשְׁגָגָה	וְאָשֵׁם׃
Đức–Chúa–Trời–nó	mà	không	làm	trong–tội–lầm–lỡ	và–phạm–lỗi
H0430		H3808		H7684	H0816

Ví bằng một quan trưởng nào, vì lầm lỡ phạm một trong các điều răn của Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình, mà làm điều không nên làm, và vì cớ đó mắc tội;

23

אוֹ־	הוֹדַע	אֵלָיו	חַטָּאתוֹ	אֲשֶׁר	חָטָא	בָּהּ	וְהֵבִיא	אֶת־	קָרְבָּנוֹ	שְׂעִיר
hoặc	biết	với–người	tội–nó	mà	phạm–tội	—	và–đến	—	của–lễ–nó	dê–đực
	H3045	H0413			H2398		H0935	H0853		

עִזִּים	זָכָר	תָּמִים׃
dê	đực	không–tì–vết
H5795	H2145	H8549

khi nào người ta tỏ ra cho quan trưởng đó biết tội mình đã phạm, thì người phải dẫn đến làm của lễ mình, một con dê đực không tì vít chi,

24

וְסָמַךְ	יָדוֹ	עַל־	רֹאשׁ	הַשָּׂעִיר	וְשָׁחַט	אֹתוֹ	בִּמְקוֹם	אֲשֶׁר־	יִשְׁחַט	אֶת־
và–đặt	tay–nó	trên	đầu	dê–đực	và–giết	nó	trong–nơi	mà	giết	—
H5564	H3027					H0853	H4725			H0853

הָעֹלָה	לִפְנֵי	יְהוָה	חַטָּאת	הוּא׃
của–lễ–thiêu	trước–mặt	Đức–Giê-hô-va	tội	ấy
	H6440	H3068		H1931

nhận tay mình trên đầu dê đực đó, rồi giết nó trước mặt Đức Giê-hô-va tại nơi giết các con sinh dùng làm của lễ thiêu: ấy là của lễ chuộc tội.

25 וְלָקַח הַכֹּהֵן מִדַּם הַחַטָּאת בְּאֶצְבָּעוֹ וְנָתַן עַל־קַרְנֹת מִזְבַּח
và-lấy thầy-tế-lễ từ-huyết tội trong-ngón-tay-nó và-đặt trên sừng bàn-thờ
H3947 H3548 H1818 H0853 H0676 H5414 H5414 H4196

הָעֹלָה׃ מִזְבַּח יְסוֹד אֶל־ יִשְׁפֹּךְ דָּמוֹ וְאֶת־ הָעֹלָה
của-lễ-thiêu bàn-thờ nền-móng đến đổ-ra huyết-nó và của-lễ-thiêu
H4196 H3247 H0413 H8210 H1818 H0853

Thầy tế lễ sẽ nhúng ngón tay mình trong huyết của con sinh tế chuộc tội, bôi trên các sừng bàn thờ về của lễ thiêu, và đổ huyết dưới chân bàn thờ;

26 וְאֶת־ כָּל־ חֶלְבּוֹ יַקְטִיר הַמִּזְבֵּחָה כְּחֵלֶב זֶבַח הַשְּׁלָמִים וְכִפֶּר
và mọi mỡ-nó đốt-xông bàn-thờ-nó như-mỡ sinh-tế của-lễ-thù-ân và-chuộc-tội
H0853 H3605 H2459 H4196 H2459 H2077 H8002

עָלָיו הַכֹּהֵן וְנִסְלַח מֵחַטָּאתוֹ לוֹ׃ פ
trên-nó thầy-tế-lễ và-tha-thứ từ-tội-nó cho-nó —
H3548 H5545

đoạn xông hết mỡ trên bàn thờ như cách xông mỡ về của lễ thù ân. Ấy vậy, thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người, và tội người sẽ được tha.

27 וְאִם־ נֶפֶשׁ אַחַת תֶּחֱטָא בִּשְׁגָגָה מֵעַם הָאָרֶץ בַּעֲשֹׂתָהּ אַחַת
và-nếu linh-hồn một phạm-tội trong-tội-lầm-lỡ từ-dân đất trong-làm-nó một
H0853 H5315 H0259 H2398 H7684 H5971 H0776 H6213 H0259

מֵמִצְוֹת יְהוָה אֲשֶׁר לֹא־ תֵעָשֶׂינָה וְאָשֵׁם׃
từ-điều-răn Đức-Giê-hô-va mà không làm và-phạm-lỗi
H4687 H3068 H0834 H3808 H6213 H0816

Nếu một người nào trong dân chúng, vì lỗ lỡ phạm một trong các điều răn của Đức Giê-hô-va mà làm điều không nên làm, và vì cớ đó phải mắc tội;

28 אוֹ הוֹדַע עָלָיו אֶל־ חַטָּאתוֹ אֲשֶׁר חָטָא וְהֵבִיא שְׂעִירַת עִזִּים
hoặc biết với-người tội-nó mà phạm-tội và-đến cái-lễ-nó của-lễ-nó dê
H0176 H3045 H0413 H2403 H0834 H2398 H0935 H8163 H8163 H5795

נְקֵבָה תְּמִימָה עַל־ חַטָּאתוֹ אֲשֶׁר חָטָא׃
cái không-tì-vết trên tội-nó mà phạm-tội
H5347 H8549 H5921 H2403 H0834 H2398

khi nào người ta tỏ cho người đó biết tội mình đã phạm, thì người phải vì cớ tội mình dẫn đến một con dê cái không tì vít chi, dùng làm của lễ,

29 וְסָמַךְ אֶת־ יָדוֹ עַל רֹאשׁ הַחַטָּאת וְשָׁחַט אֶת־ הַחַטָּאת בִּמְקוֹם
và-đặt — tay-nó trên đầu tội và-giết — tội trong-nơi
H5564 H0853 H3027 H5921 H7218 H2403 H7819 H0853 H2403 H4725

הָעֹלָה׃
của-lễ-thiêu
H5930

nhận tay mình trên đầu con sinh tế chuộc tội, rồi giết nó trong nơi giết con sinh dùng làm của lễ thiêu.

30 וְלָקַח הַכֹּהֵן מִדָּמָהּ בְּאֶצְבָּעוֹ וְנָתַן עַל־ קַרְנֹת מִזְבַּח
và-lấy thầy-tế-lễ từ-huyết-nó trong-ngón-tay-nó và-đặt trên sừng bàn-thờ
H3947 H3548 H1818 H0853 H0676 H5414 H5414 H4196

הָעֹלָה׃ מִזְבַּח יְסוֹד אֶל־ יִשְׁפֹּךְ דָּמָהּ כָּל־ וְאֶת־
của-lễ-thiêu bàn-thờ nền-móng đến đổ-ra huyết-nó mọi và
H5930 H4196 H3247 H0413 H8210 H1818 H3605 H0853

Thầy tế lễ sẽ nhúng ngón tay mình trong huyết, bôi trên các sừng bàn thờ về của lễ thiêu, và đổ hết huyết dưới chân bàn thờ;

31 וְאֶת־ כָּל־ חֶלְבָּהּ יָסִיר כַּאֲשֶׁר הוּסַר חֵלֶב מֵעַל זֶבַח הַשְׁלָמִים
và mọi mỡ-nó lấy-đi như-như lấy-đi mỡ lấy-đi trên sinh-tế của-lễ-thù-ân
H0853 H3605 H2459 H5493 H5493 H2459 H2077 H8002

וְהִקְטִיר הַכֹּהֵן הַמִּזְבֵּחָה לְרֵיחַ נִיחֹחַ לַיהוָה וְכִפֶּר עָלָיו
và-đốt-xông thầy-tế-lễ bàn-thờ-nó cho-mùi thơm cho-Đức-Giê-hô-va và-chuộc-tội trên-nó
H3548 H4196 H7381 H5207 H3068

הַכֹּהֵן וְנִסְלַח לוֹ׃ פ
thầy-tế-lễ và-tha-thứ cho-nó —
H3548 H5545

rồi, gỡ hết mỡ như cách gỡ mỡ về của lễ thù ân, đem xông trên bàn thờ, làm của lễ có mùi thơm dâng cho Đức Giê-hô-va. Ấy vậy, thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người đó, thì tội người sẽ được tha.

32 וְאִם־ כֶּבֶשׂ יָבִיא קָרְבָּנוֹ לְחַטָּאת נְקֵבָה תְּמִימָה יְבִיאֶנָּה׃
và-nếu chiên-con đến của-lễ-nó cho-tội cái không-tì-vết đến
H3532 H0935 H0935 H5347 H8549 H0935

Nếu của lễ chuộc tội người bằng chiên con, thì phải dâng một con cái chẳng tì vít chi,

33 וְסָמַךְ אֶת־ יָדוֹ עַל רֹאשׁ הַחַטָּאת וְשָׁחַט אֹתָהּ לְחַטָּאת בִּמְקוֹם אֲשֶׁר
và-đặt — tay-nó trên đầu tội và-giết nó cho-tội trong-nơi mà
H5564 H0853 H3027 H0853 H4725

יִשְׁחַט אֶת־ הָעֹלָה׃
giết — của-lễ-thiêu
H0853

nhận tay mình trên đầu con sinh tế chuộc tội, rồi giết nó tại nơi giết con sinh dùng làm của lễ thiêu.

34 וְלָקַח הַכֹּהֵן מִדָּם הַחַטָּאת בְּאֶצְבָּעוֹ וְנָתַן עַל־ קַרְנֹת מִזְבַּח
và-lấy thầy-tế-lễ từ-huyết tội trong-ngón-tay-nó và-đặt trên sừng bàn-thờ
H3947 H3548 H1818 H0676 H5414 H4196

הָעֹלָה וְאֶת־ כָּל־ דָּמָהּ יִשְׁפֹּךְ אֶל־ יְסוֹד הַמִּזְבָּחַ׃
của-lễ-thiêu và mọi huyết-nó đổ-ra đến nền-móng bàn-thờ
H0853 H3605 H1818 H8210 H0413 H3247 H4196

Đoạn, thầy tế lễ sẽ nhúng ngón tay mình trong huyết, bôi trên các sừng bàn thờ về của lễ thiêu, và đổ hết huyết dưới chân bàn thờ;

35 וְאֶת־ כָּל־ חֶלְבָּהּ יָסִיר כַּאֲשֶׁר יוּסַר חֵלֶב־ הַכֶּשֶׂב מִזֶּבַח הַשְׁלָמִים
và mọi mỡ-nó lấy-đi như-như lấy-đi mỡ chiên-con từ-sinh-tế của-lễ-thù-ân
H0853 H3605 H2459 H5493 H5493 H2459 H3775 H2077 H8002

וְהִקְטִיר הַכֹּהֵן אֹתָם הַמִּזְבֵּחָה עַל אִשֵּׁי יְהוָה
và-đốt-xông thầy-tế-lễ chúng bàn-thờ-nó trên của-lễ-dùng-lửa Đức-Giê-hô-va
H3548 H0853 H4196 H0801 H3068

וְכִפֶּר עָלָיו הַכֹּהֵן עַל־ חַטָּאתוֹ אֲשֶׁר־ חָטָא וְנִסְלַח לוֹ׃ פ
và-chuộc-tội trên-nó thầy-tế-lễ trên tội-nó mà phạm-tội và-tha-thứ cho-nó —
H3548 H2398 H5545

gỡ hết mỡ như cách gỡ mỡ của chiên con dùng làm của lễ thù ân, đem xông trên bàn thờ như các của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va. Ấy vậy, thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người đó, thì tội người sẽ được tha.